

Số: 232/2021/QĐST-KDTM

Đông Anh, ngày 24 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải T ngày 16 tháng 12 năm 2021 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 82/2021/TLST-KDTM ngày 19/4/2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải T ngày 16 tháng 12 năm 2021 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải T, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng NN Việt Nam**; trụ sở: Số 2 đường LH, phường TC, quận BD, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Tiết Văn T** – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trịnh Xuân L** – Giám đốc Ngân hàng NN Việt Nam chi nhánh Đông Anh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Long: Ông **Trần Văn M** – Phó giám đốc Ngân hàng NN Việt Nam chi nhánh Đông Anh.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Kim Anh C** – Giám đốc Ngân hàng NN Việt Nam phòng giao dịch Vân Trì.

- *Bị đơn:* Bà **Bùi Thị Thu H**, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn HH, xã LH, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Đặng Thế Đ**, sinh năm 1968.

2. Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1974.

Cùng nơi cư trú: Xóm T, xã UN, huyện ĐA, T phố Hà Nội.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ: Bà **Nguyễn Thị H1**.*

3. Bà **Lê Thị N**, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn LQ, xã XN, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội.

4. Chị **Nguyễn Thị H2**, sinh năm 1984.

5. Anh **Trần Văn N**, sinh năm 1984.

6. Cháu **Trần Gia H**, sinh năm 2007 (con anh N – chị H2).

7. Cháu **Trần Thị Anh T**, sinh năm 2013 (con anh N – chị H2).

Cùng nơi cư trú: Thôn khu 7, thôn TL, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của cháu H, cháu T: Anh Trần Văn N và chị Nguyễn Thị H2.

Người đại diện theo ủy quyền của anh N: Chị Nguyễn Thị H2.

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về số tiền nợ:* Theo Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-201804383 ngày 13/8/2018 và giấy nhận nợ ngày 13/8/2018; tính đến hết ngày 15/12/2021, bà Bùi Thị Thu H còn nợ Ngân hàng NN Việt Nam số tiền như sau:

- Tổng dư nợ gốc: 1.600.000.000 (Một tỷ sáu trăm triệu) đồng.
- Tổng dư nợ lãi trong hạn: 461.266.667 (Bốn trăm sáu mươi một triệu, hai trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy) đồng.
- Tổng dư nợ lãi quá hạn: 161.688.889 (Một trăm sáu mươi một triệu, sáu trăm tám mươi tám nghìn, tám trăm tám mươi chín) đồng.
- Tổng dư nợ gốc và lãi: 2.222.955.667 (Hai tỷ, hai trăm hai mươi hai triệu, chín trăm năm mươi lăm nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy) đồng.

2. *Về phương thức trả nợ:* Hạn cuối là ngày 30/6/2022, bà Bùi Thị Thu H phải trả cho Ngân hàng NN Việt Nam toàn bộ số tiền 2.222.955.667 (Hai tỷ, hai trăm hai mươi hai triệu, chín trăm năm mươi lăm nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy) đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16/12/2021 đến khi tất toán khoản nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ.

3. Trường hợp bà Bùi Thị Thu H vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trên thì Ngân hàng NN Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 05 tại thôn KN, xã UN, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội theo GCNQSD đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BE035943, số vào sổ: 1312.QĐ-UBND.2011/CH.00282.2011 ngày 21/4/2011 do UBND huyện Đông Anh cấp cho bà Lê Thị N.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 98(1), tờ bản đồ số 37 tại thôn TL, xã TL, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội theo GCNQSD đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BM1815779, số vào

số: 712.QĐ-UBND.2013/CH.00026.2013 ngày 15/3/2013 mang tên bà Nguyễn Thị H2.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán khoản nợ thì bà Bùi Thị Thu H tiếp tục phải có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

2.4 Tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 76.459.000 (Bảy mươi sáu triệu, bốn trăm năm mươi chín nghìn) đồng. Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên được giảm 50%; số tiền án phí còn: 38.229.500 (Ba mươi tám triệu, hai trăm hai mươi chín nghìn, năm trăm) đồng. Bà Bùi Thị Thu H phải nộp số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 38.229.500 (Ba mươi tám triệu, hai trăm hai mươi chín nghìn, năm trăm) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Trả lại Ngân hàng NN Việt Nam số tiền 36.602.000 (Ba mươi sáu triệu, sáu trăm linh hai nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0045095 ngày 16 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Anh;
- TAND TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Đông Anh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Quang Tuyền